TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày 17/08/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và Bà Đặng Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: Bà Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 08 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà trực tuyến công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo:

La O L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1980, tại: huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: không; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: La Mo L1 (Chết); Mẹ: La O Thị L2 (Chết); Vợ: NLQ1 – Sinh năm 1984; Bị cáo có 02 con, sinh năm 1999 và 2002;Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2023 đến nay tại xã M, huyện D.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Ngô Văn Thành – Trợ giúp viên, do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử, có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Uỷ ban nhân dân xã M, do ông Nguyễn Văn Minh - Chủ tịch UBND xã M, Đại diện theo pháp luật, có mặt.

- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

NLQ1, sinh: 1984; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên, có mặt;

NLQ2, sinh 1997; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên, có mặt;

NLQ3, sinh 1981; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, vắng mặt;

NLQ4, sinh 1990; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt;

NLQ5, sinh 1990; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt;

NLQ6, sinh 1977; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt;

NLQ7, sinh 1985; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, có mặt;

NLQ8, sinh 2005; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, vắng mặt;

NLQ9, sinh 2004; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2020, La O L nói với vợ là NLQ1 và con rể là NLQ2 đến khu vực rừng "Suối Voi" thuộc khoảnh 8 tiểu khu 74 xã M, huyện D *(Rừng do Ủy ban nhân dân xã M quản lý)* phát rừng lấy đất để trồng keo. L thuê nhân công gồm: NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ5 để đi phát rừng cho L với giá từ 140.000 đồng/người/ngày đến 170.000 đồng/người/ngày và hình thức vòng đổi công.

Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 19/7/2020, L, NLQ1, NLQ2, cùng 07 nhân công sử dụng rựa chặt hạ cây rừng theo hình thức phát trắng, riêng NLQ2 sử dụng máy cưa xăng cầm tay cắt hạ những cây rừng có đường kính lớn. L trực tiếp chỉ ranh giới diện tích cần phát, hướng dẫn ranh giới để nhân công chặt phá rừng. Đến ngày 17/7/2020 thì bị lực lượng Kiểm lâm huyện D và UBND xã M kiểm tra, phát hiện, lập biên bản.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 1053/KLGĐ-CCKL ngày 03/11/2020 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Tổng diện tích rừng đã bị hủy hoại trong vụ án là:

17.400 m² (quy đổi là 1,74 ha) thuộc khoảnh 8 tiểu khu 74 xã M, huyện D; Xác định loại rừng: rừng tự nhiên, phân theo trữ lượng thuộc rừng nghèo kiệt; Xác định chức năng rừng: rừng sản xuất.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐGTTHS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 151.796.557 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 máy cưa xăng cầm tay có lam và xênh, màu trắng hồng đã qua sử dụng, lam máy dài 598cm, dây xênh màu đen; 01 cái rựa có cán và lưỡi đã qua sử dụng, cán rựa bằng gỗ dài 48 cm, lưỡi rựa dài 45 cm, có 01 khâu nhôm màu trắng.

Tại bản cáo trạng số:18/CT-VKSĐX ngày 26 /06/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo La O L về tội: *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận bị cáo La O L phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo La O L phạm tội Hủy hoại rừng.

***Về trách nhiệm hình sự:** Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo La O L từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 4 năm.

Giao bị cáo cho UBND xã M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù theo quy định tại điều 65 BLHS.

***Về trách nhiệm dân sự:** Hành vi của bị cáo gây thiệt hại 151.796.557 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục 2.000.000 đồng, nên áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 BLDS buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho UBND xã M số tiền 149.796.557 đồng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật đề nghị Chi cục THADS huyện chuyển số tiền 2.000.000 cho UBND xã M để xử lý theo thẩm quyền.

***Về vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 máy cưa xăng cầm tay có lam và xênh, màu trắng hồng đã qua sử dụng, lam máy dài 598cm, dây xênh màu đen.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cái rựa có cán và lưỡi đã qua sử dụng, cán rựa bằng gỗ dài 48 cm, lưỡi rựa dài 45 cm, có 01 khâu nhôm màu trắng.

Tiếp tục giao cho UBND xã M số cây rừng bị chặt phá tại khoảnh 8 tiểu khu 74 để quản lý.

***Về án phí:** Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, Bị cáo xin tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Ông Ngô Văn Thành bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng của viện kiểm sát và luận tội của kiểm sát viên về tội danh, Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân tốt, bản thân có thành tích suất sắc trong công tác, nên đề nghị áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền L nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo La O L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền L nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/7/2020 đến ngày 19/7/2020 tại khu vực rừng "Suối Voi" thuộc khoảnh 8 tiểu khu 74 xã M, huyện D do Ủy ban nhân dân xã M quản lý, La O L đã có hành vi thuê 07 nhân công gồm: NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ5 cùng với vợ là NLQ1 và con rễ là NLQ2 chặt, phá rừng sản xuất với diện tích 17.400 m^2 (1,74 ha), gây thiệt hại 151.796.557 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo biết rõ việc chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì thiếu đất sản xuất, mà bị cáo bất chấp pháp luật, đã có hành vi chặt phá, hủy hoại rừng . Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, gây thiệt hại đến nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự đa dạng về sinh học, môi trường sinh thái, khí hậu và gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả 2.000.000đ; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo có cha ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; quá trình công tác đạt nhiều thành tích xuất sắc được Bộ trưởng Bộ công an tặng Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc, cấp xã và cấp huyện tặng giấy khen; Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Xét đề nghị của kiểm sát viên và lời bào chữa của luật sư tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định

tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

- Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ5: Có hành vi trực tiếp chặt phá rừng. Tuy nhiên những người này là đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn, chỉ thực hiện theo yêu cầu của L, mục đích là phụ giúp phát rừng để lấy đất sản xuất để cải thiện kinh tế và không biết rừng trên là do nhà nước quản lý, không được chặt phá nên xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi là không đáng kể. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ5, mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là phù hợp.

- Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 8, tiểu khu 74 xã M, huyện D: Trong khoảng tháng 07/2020, đã thiếu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, tuần tra bảo vệ rừng nên để xảy ra việc bị can La O L phá rừng trái phép gây thiệt hại 17.400 m^2 rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất và gây thiệt hại về môi trường và sinh thái rừng với số tiền 151.796.557 đồng. Cơ quan điều tra thụ lý tin báo để xác minh làm rõ và xử lý sau, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS đề nghị:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 máy cưa xăng cầm tay có lam và xênh, màu trắng hồng đã qua sử dụng, lam máy dài 598cm, dây xênh màu đen.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cái rựa có cán và lưỡi đã qua sử dụng, cán rựa bằng gỗ dài 48 cm, lưỡi rựa dài 45 cm, có 01 khâu nhôm màu trắng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự buộc bị cáo La O L phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 151.796.557 đồng, bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 149.796.557đ đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo La O L phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 BLHS.

Xử phạt: La O L 01(Một) năm 06(Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03(Ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho UBND xã M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù theo quy định tại điều 65 BLHS.

* **Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo La O L phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 151.796.557 đồng, bị cáo đã bồi thường 2.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 149.796.557đ. Giao cho UBND xã Phú Mở được nhận số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo ủy nhiệm chi số 12 ngày 03 tháng 07 năm 2023 của Công an huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả được sẽ phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thanh toán theo mức lãi xuất do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* **Về xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 máy cưa xăng cầm tay có lam và xên, màu trắng hồng đã qua sử dụng, lam máy dài 598cm, dây xên màu đen.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cái rựa có cán và lưỡi đã qua sử dụng, cán rựa bằng gỗ dài 48 cm, lưỡi rựa dài 45 cm, có 01 khâu nhôm màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/06/2023 của cơ quan CSĐT công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

* **Về án phí**: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La O L được miễn nộp án phí.

* **Về quyền kháng cáo**: Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã M.
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Ngọc Trung